CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VMG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do - Hạnh phúc
DỰ THẢO *Số 03/TTr-VMG/ĐHĐCĐ*	*Hà Nội, ngày 13 tháng 05 năm 2026*

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần truyền thông VMG

- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG;*
- *Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG;*
- *Căn cứ vào tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và dự báo về lĩnh vực Công nghệ, thông tin và truyền thông trong năm 2026.*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2026 bao gồm các nội dung như sau:

1.	Doanh thu năm 2026	: 1.481.524 triệu đồng
2.	Lợi nhuận trước thuế năm 2026	: 38.565 triệu đồng
3.	Tỷ lệ cổ tức năm 2026 dự kiến	: 5% /Vốn điều lệ

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ;*
- *Lưu VP.*

Nguyễn Hoàng Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VMG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**
Số 05/TTr-VMG/ĐHĐCĐ	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026*

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

(V/v: Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2026)

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần truyền thông VMG**

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG;*
- *Căn cứ Biên bản kiểm phiếu đồng quản trị Công ty Cổ phần truyền thông VMG số .../2026/BBH-HĐQT ngày ……/03/2026.*

Để đảm bảo gắn trách nhiệm với quyền lợi của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trong công tác điều hành, giám sát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG, Hội đồng quản trị ("HĐQT") kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thông qua mức thù lao chi trả cho Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ban kiểm soát ("BKS") năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2026 như sau:

1. Mức thù lao đã chi trả cho thành viên HĐQT và thành viên BKS năm 2025:

Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025, ĐHĐCĐ đã chi trả mức thù lao dành cho thành viên HĐQT và thành viên BKS trong năm 2025 (**tổng cộng 307.494.040 VND**) theo đúng kế hoạch được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. Thông tin chi tiết HĐQT đã báo cáo cụ thể trong Báo cáo tài chính năm 2025.

2. Kế hoạch chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT và thành viên BKS năm 2026:

STT	Chức danh	Số người	Mức thù lao (VNĐ/tháng)	Số tháng	Tổng chi phí dự kiến
1	Chủ tịch HĐQT	1	7.000.000	12	84.000.000
2	Thành viên HĐQT	4	5.000.000	12	240.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	1	5.000.000	12	60.000.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	2	3.000.000	12	72.000.000
Tổng cộng					**456.000.000**
Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi sáu triệu đồng chẵn./.					

3. Thời điểm thực hiện: Từ ngày 13/5/2026 đến ngày 31/12/2026.

4. Nguyên tắc thực hiện:

- Thực hiện theo đúng chế độ, chính sách của Công ty và quy định của pháp luật. Trong đó:
  + Đối với thành viên HĐQT/BKS không hưởng lương tại Công ty: Chi trả thù lao theo định mức và nghị quyết của ĐHĐCĐ.
  + Đối với các thành viên đồng thời đảm nhiệm chức danh quản lý điều hành tại Công ty, thù lao HĐQT/BKS được chi trả độc lập với tiền lương và các chế độ phúc lợi khác theo hợp đồng lao động.
  + Thù lao được hạch toán vào chi phí kinh doanh của Công ty và chưa bao gồm thuế thu nhập cá nhân. Công ty thực hiện khấu trừ tại nguồn trước khi chi trả.
- Ủy quyền cho HĐQT thực hiện việc chi trả thù lao, thưởng (nếu có) cho các thành viên HĐQT và thành viên BKS.

Kính trình Đại Hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoàng Nam

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ;*
- *Lưu: VP.*

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VMG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**
Số: 07/TTr-VMG/ĐHĐCĐ	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026*

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

(V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG)

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG ban hành ngày 03/5/2024.*

Nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý nội bộ, chuẩn hóa các quy định cho phù hợp hơn với thực tế hoạt động, đồng thời nâng cao hiệu quả quản trị và cơ chế phối hợp điều hành trong Công ty, Hội đồng quản trị ("HĐQT") đã tiến hành rà soát lại Điều lệ hiện hành của Công ty. Theo đó, HĐQT nhận thấy một số điều, khoản của Điều lệ cần được xem xét sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính tương thích với các quy định pháp luật hiện hành và đáp ứng yêu cầu quản lý trong giai đoạn mới. HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") phương án sửa đổi, bổ sung với nội dung cụ thể như sau:

1. Cập nhật và hoàn thiện các quy định về quản trị, điều hành: Các nội dung sửa đổi, bổ sung nhằm phân định rõ ràng hơn quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ của từng cấp, bảo đảm tính minh bạch và hiệu quả trong tổ chức và vận hành.
2. Chuẩn hóa kỹ thuật văn bản và dẫn chiếu: Dự thảo Điều lệ mới được rà soát, chỉnh lý về cấu trúc, câu chữ, thuật ngữ pháp lý chuyên ngành và các nội dung dẫn chiếu nhằm đảm bảo tính thống nhất, chính xác về hình thức và nội dung (việc sửa đổi, bổ sung này hoàn toàn không làm thay đổi bản chất hay ý nghĩa của các điều khoản). Sau khi điều chỉnh hoặc bổ sung thêm một số Khoản/Điều, thứ tự và trật tự một số nội dung trong Điều lệ mới cũng được cập nhật thay đổi tương ứng.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung chính đối với Điều lệ của Công ty được trình bày cụ thể tại Phụ lục 01 đính kèm Tờ trình này.

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo Phụ lục 01 kèm theo và bản dự thảo Điều lệ mới của Công ty. Bản dự thảo Điều lệ mới này sau khi được ĐHĐCĐ thông qua sẽ thay thế bản Điều lệ đã ban hành ngày 03/5/2024. Giao Người đại diện theo pháp luật của Công ty tổ chức rà soát, hoàn thiện và ký ban hành Điều lệ mới.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ;*
- *Lưu: VP.*

Nguyễn Hoàng Nam

PHỤ LỤC I
BẢNG TỔNG HỢP NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VMG
(Đính kèm tờ trình số: 07/TTr-VMG/ĐHĐCĐ)

I. Mục đích sửa đổi

Nhằm xây dựng hoàn thiện bản Điều lệ Công ty cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019

II. Căn cứ pháp lý và giải thích

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp 2020);
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (Luật Chứng khoán 2019);
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điêu của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục "**Điều lệ hiện hành**" là các dòng chữ được thể hiện dưới dạng gạch chân;
- Các nội dung cần sửa đổi, bổ sung tại mục "**Đề xuất sửa đổi, bổ sung**" là phần in nghiêng.

III. Nội dung sửa đổi, bổ sung

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
Phần mở đầu	Điều lệ này được <u>sửa đổi lần cuối vào ngày 24/4/2024</u>	Điều lệ này được sửa đổi lần thứ 2 vào ngày 11/09/2020, sửa đổi lần thứ 3 vào ngày 29/06/2023, sửa đổi lần thứ 4 vào ngày 24/04/2024 *và sửa đổi lần cuối vào ngày 13/5/2026.*		Điều lệ này của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG (dưới đây gọi là "Công ty") là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty, là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.	Theo tình hình thực tế

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
				Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 03 tháng 10 năm 2007 và được sửa đổi, bổ sung lần thứ 5 vào ngày 13 tháng 5 năm 2026.	
Khoản 1 Điều 1	*g)"Người điều hành doanh nghiệp"* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý cấp cao theo quy định của Điều lệ công ty;	g) *"Người điều hành doanh nghiệp"* là Tổng giám đốc, *các* Phó tổng giám đốc, *Giám đốc Tài chính*, Kế toán trưởng, *Giám đốc nhân sự* và cán bộ quản lý cấp cao theo quy định của Điều lệ công ty;	Mục g Khoản 1 Điều 1	*g)"Người điều hành doanh nghiệp"* là Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;	Theo tình hình thực tế
Khoản 1 Điều 1	*j)*"Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.				Bỏ nội dung Theo tình hình thực tế
Khoản 1 Điều 1	k) "Pháp luật" có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 2 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành ngày 22 tháng 06 năm 2015.				Bỏ nội dung Theo tình hình thực tế
Khoản 1 Điều 1	l)"Cán bộ quản lý cấp cao" có nghĩa là các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Nhân sự, Kế toán trưởng của Công ty và các cán bộ khác được HĐQT chỉ định làm Cán bộ quản lý cấp cao của Công ty.				Bỏ nội dung do gộp chung với mục g
Khoản 1 Điều 1	q)"Thời hạn" có nghĩa là thời hạn ban đầu của Công ty như được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và				Bỏ nội dung Theo tình hình thực tế

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
	mọi thời gian gia hạn được thông qua bằng một Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;				
Khoản 1 Điều 2	Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt là "Công ty cổ phần truyền thông VMG". Tên đăng ký hợp pháp của Công ty bằng tiếng Anh là "VMG Media Joint Stock Company".		Khoản 1 Điều 2	1.Tên Công ty: a)Tên Công ty bằng tiếng Việt là "Công ty cổ phần truyền thông VMG". b)Tên Công ty bằng tiếng Anh là "VMG Media Joint Stock Company". c) Tên Công ty viết tắt là "VMG Media"	Theo tình hình thực tế
Khoản 3 Điều 2	3.Trụ sở đăng ký của Công ty là: a) Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà PEAKVIEW Tower, số 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	3.Trụ sở đăng ký của Công ty là: *b)* Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà PEAKVIEW Tower, số 36 Hoàng Cầu, *Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố* Hà Nội, *Việt Nam.*			Giữ nguyên
Khoản 1 Điều 3	1. Ngành nghề kinh doanh của công ty là:			Ngành nghề kinh doanh của Công ty được quy định cụ thể tại Phụ lục 01 (một) đính kèm Điều liệ này. Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ.	Bổ sung nội dung

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
	a) Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí);	*Hoạt động cổng tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác (Không hoạt động báo chí)*			Cập nhật các ngành, nghề kinh doanh sau do thay đổi căn cứ pháp lý và/hoặc do thay đổi tên, mã ngành, nghề theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg
	b) Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;	Bỏ mã ngành do không còn tồn tại trên hệ thống			
	c) Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;	*Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông*			Cập nhật các ngành, nghề kinh doanh sau do thay đổi căn cứ pháp lý và/hoặc do thay đổi tên, mã ngành, nghề theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg
	d) Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;	Giữ nguyên			
	e)Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Dịch vụ trò chơi trực tuyến; - Dịch vụ truyền thông, phát hành xuất bản phẩm (sách, báo, tạp chí định kỳ); - Đại lý cung cấp và khai thác	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Dịch vụ trò chơi trực tuyến; - Dịch vụ truyền thông, phát hành			Cập nhật căn cứ pháp lý

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	Nội dung		Điều/Khoản/Mục	Điều lệ sau chỉnh lại	Lý do, căn cứ
	các dịch vụ gia tăng giá trị trên mạng viễn thông, Internet Việt Nam; - Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng; - Dịch vụ nội dung thông tin số: là dịch vụ được cung cấp trên môi trường mạng hoạt động trực tiếp hỗ trợ, phục vụ việc sản xuất, khai thác, phát hành, nâng cấp, bảo hành, bảo trì sản phẩm nội dung thông tin số và các hoạt động tương tự khác liên quan đến nội dung thông tin số; - Cung cấp dịch vụ nội thông tin trên mạng viễn thông di động; - Cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng viễn thông; - Đại lý dịch vụ viễn thông (Điều 15 Luật Viễn thông) - Dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (Điều 11 Nghị định 130/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Giao dịch điện tử về Chữ ký số và chứng thực chữ ký số) - Dịch vụ cấp dấu thời gian (Điều 30 Nghị định 130/2018/NĐ-CP hướng dẫn	xuất bản phẩm (sách, báo, tạp chí định kỳ); - Đại lý cung cấp và khai thác các dịch vụ gia tăng giá trị trên mạng viễn thông, Internet Việt Nam; - Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng; - Dịch vụ nội dung thông tin số: là dịch vụ được cung cấp trên môi trường mạng hoạt động trực tiếp hỗ trợ, phục vụ việc sản xuất, khai thác, phát hành, nâng cấp, bảo hành, bảo trì sản phẩm nội dung thông tin số và các hoạt động tương tự khác liên quan đến nội dung thông tin số; - Cung cấp dịch vụ nội thông tin trên mạng viễn thông di động; - Cung cấp dịch vụ nội dung trên mạng			

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	Nội dung		Điều/Khoản/Mục	Điều lệ sau chỉnh lại	Lý do, căn cứ
	Luật Giao dịch điện tử về Chữ ký số và chứng thực chữ ký số) - Thiết lập mạng viễn thông công cộng: Thiết lập mạng viễn thông di động mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (mạng viễn thông di động ảo) (Điều 36 Luật Viễn thông, Khoản 2 Điều 20 Nghị định 25/2011/NĐ-CP hướng dẫn Luật Viễn thông)	viễn thông; - Đại lý dịch vụ viễn thông *(Điều 14 Luật Viễn thông 2023)* - Dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng *(Điều 26 Nghị định 23/2025NĐ-CP quy định về Chữ ký điện tử và Giao dịch tin cậy)* - Dịch vụ cấp dấu thời gian *(Điều 24 Nghị định 23/2025/NĐ-CP quy định về Chữ ký điện tử và Giao dịch tin cậy)* - Thiết lập mạng viễn thông công cộng: Thiết lập mạng viễn thông di động mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (mạng viễn thông di động ảo) *(Điều 36 Luật Viễn thông 2023, Khoản 3 Điều 32 Nghị định 163/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật*			

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	Nội dung		Điều/Khoản/Mục	Điều lệ sau chỉnh lại	Lý do, căn cứ
		Viễn thông).			
	e) Hoạt động ghi âm và phát hành xuất bản phẩm âm nhạc;	Giữ nguyên			
	f) In ấn;	Giữ nguyên			
	g) Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Chi tiết: Cho thuê văn phòng;	Giữ nguyên			
	h) Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Chi tiết: Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; Dịch vụ kiểm tra giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên; Dịch vụ tư vấn du học	***Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác*** Chi tiết: Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; Dịch vụ kiểm tra giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên; Dịch vụ tư vấn du học.			Cập nhật các ngành, nghề kinh doanh sau do thay đổi căn cứ pháp lý và/hoặc do thay đổi tên, mã ngành, nghề theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg
	i) Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình;	Giữ nguyên			
	j) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Mua bán thiết bị, máy móc phục vụ trong ngành truyền thông, viễn thông, công nghệ thông tin; - Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Mua bán thiết bị, máy móc phục vụ trong ngành truyền			Cập nhật các ngành, nghề kinh doanh sau do thay đổi căn cứ pháp lý và/hoặc do thay đổi tên, mã ngành, nghề theo Quyết định 36/2025/QĐ-

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	Nội dung		Điều/Khoản/Mục	Điều lệ sau chỉnh lại	Lý do, căn cứ
	(Khoản 9 Điều 41 Nghị định 136/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Phòng cháy và chữa cháy)	thông, viễn thông, công nghệ thông tin; - Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy			TTg
	k) Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Dịch vụ vui chơi giải trí trên truyền hình, các phương tiện thông tin đại chúng (trừ các loại hình vui chơi giải trí Nhà nước cấm);	Hoạt động vui chơi giải trí khác Chi tiết: Dịch vụ vui chơi giải trí trên truyền hình, các phương tiện thông tin đại chúng (trừ các loại hình vui chơi giải trí Nhà nước cấm);			Cập nhật các ngành, nghề kinh doanh sau do thay đổi căn cứ pháp lý và/hoặc do thay đổi tên, mã ngành, nghề theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg
	l) Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;	Giữ nguyên			
	m) Quảng cáo;	Giữ nguyên			
	n) Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi Chi tiết: Sửa chữa và các dịch vụ tư vấn phần cứng máy tính	Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính, thiết bị thông tin và truyền thông Chi tiết: Sửa chữa và các dịch vụ tư vấn phần cứng máy tính			Cập nhật các ngành, nghề kinh doanh sau do thay đổi căn cứ pháp lý và/hoặc do thay đổi tên, mã ngành, nghề theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg
	o) Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy tính; Chi tiết: Sản xuất phần cứng máy tính;	Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính Chi tiết: Sản xuất phần			Cập nhật các ngành, nghề kinh doanh sau do thay đổi căn cứ pháp lý

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	Nội dung		Điều/Khoản/Mục	Điều lệ sau chỉnh lại	Lý do, căn cứ
		cứng máy tính;			và/hoặc do thay đổi tên, mã ngành, nghề theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg
	p) Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: - Sản xuất và các dịch vụ tư vấn phần mềm máy tính; - Bán buôn phần mềm.	Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: - Sản xuất và các dịch vụ tư vấn phần mềm máy tính; - Bán buôn phần mềm.			Cập nhật các ngành, nghề kinh doanh sau do thay đổi căn cứ pháp lý và/hoặc do thay đổi tên, mã ngành, nghề theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg
	q) Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan; Chi tiết: Hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê, dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan như: hoạt động cho thuê riêng như cho thuê trang Web, dịch vụ truyền suốt hoặc cho thuê ứng dụng, cung cấp các dịch vụ ứng dụng thiết bị mainframe phân thời cho khách hàng. Hoạt động xử lý dữ liệu bao gồm xử lý hoàn chỉnh và báo cáo các kết quả đầu ra cụ thể từ các dữ liệu do khách hàng cung cấp hoặc nhập tin và xử lý dữ liệu tự động;.	*Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan* Chi tiết:Hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê, dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan như: hoạt động cho thuê riêng như cho thuê trang Web, dịch vụ truyền suốt hoặc cho thuê ứng dụng, cung cấp các dịch vụ ứng dụng thiết bị mainframe phân thời cho khách			Cập nhật các ngành, nghề kinh doanh sau do thay đổi căn cứ pháp lý và/hoặc do thay đổi tên, mã ngành, nghề theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
		hàng. Hoạt động xử lý dữ liệu bao gồm xử lý hoàn chỉnh và báo cáo các kết quả đầu ra cụ thể từ các dữ liệu do khách hàng cung cấp hoặc nhập tin và xử lý dữ liệu tự động;			
	r) Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;	Giữ nguyên			
	s) Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;	*Bán lẻ tổng hợp khác*			Cập nhật các ngành, nghề kinh doanh sau do thay đổi căn cứ pháp lý và/hoặc do thay đổi tên, mã ngành, nghề theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg
	t) Dịch vụ thông tin khác chưa phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; - Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí, v.v… - Hoạt động chứng thực hợp đồng	*Hoạt động cổng tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác* Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;			Cập nhật các ngành, nghề kinh doanh sau do thay đổi căn cứ pháp lý và/hoặc do thay đổi tên, mã ngành, nghề theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
	điện tử (Điều 63 Nghị định 52/2013 về thương mại điện tử)	- Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí, v.v… - Hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử *(Khoản 22 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP của Chính phủ về Thương mại điện tử)*			
	u) Hoạt động thể thao khác;	Giữ nguyên			
	v) Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.	Giữ nguyên			
	w) Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới hang hóa;	Giữ nguyên			
	x) Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác. Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu;	*Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng* Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu			Cập nhật các ngành, nghề kinh doanh sau do thay đổi căn cứ pháp lý và/hoặc do thay đổi tên, mã ngành, nghề theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg
	y) Giáo dục nhà trẻ;	Giữ nguyên			
	z) Giáo dục mẫu giáo;	Giữ nguyên			

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	Nội dung		Điều/Khoản/Mục	Điều lệ sau chỉnh lại	Lý do, căn cứ
	aa) Đào tạo sơ cấp;	Giữ nguyên			
	bb) Đào tạo trung cấp;	Giữ nguyên			
	cc) Đào tạo cao đẳng;	Giữ nguyên			
	dd) Giáo dục thể thao và giải trí;	Giữ nguyên			
	ee) Giáo dục văn hóa nghệ thuật	Giữ nguyên			
	ff) Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dạy ngoại ngữ và kỹ năng đàm thoại; Dạy máy tính; Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho sinh viên yếu kém; Dạy lái xe cho người không hành nghề lái xe.	Giữ nguyên			
	gg) Hoạt động dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng. Chi tiết: Dịch vụ trung gian thanh toán (khoản 10 điều 6 Luật ngân hàng nhà nước Việt Nam) , dịch vụ ví điện tử (khoản 1 điều 1 Nghị định 80/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016), dịch vụ cổng thanh toán (điểm a, khoản 1, điều 15 Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012) ; Dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ (điểm b, khoản 1, điều 15 Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012); Dịch vụ hỗ trợ chuyển tiền điện tử (điểm b, khoản 1, điều 15 Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012); Cung ứng dịch vụ trung gian thanh	**Hoạt động dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng** Chi tiết: *Dịch vụ trung gian thanh toán, dịch vụ ví điện tử, dịch vụ cổng thanh toán; Dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ; Dịch vụ hỗ trợ chuyển tiền điện tử; Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (Điều 22 Nghị định 52/2024/NĐ-CP quy định về thanh toán không dùng tiền mặt)*			Cập nhật các ngành, nghề kinh doanh sau do thay đổi căn cứ pháp lý và/hoặc do thay đổi tên, mã ngành, nghề theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
	toán (điều 15 Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2022, khoản 8 điều 1 Nghị định 80/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 và Điều 3 Nghị định 16/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019) (hoạt động theo Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Nhà nước)	*(hoạt động theo Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Nhà nước)*			
	hh) Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Đại lý dịch vụ viễn thông (Điều 15 Luật Viễn thông) Thiết lập mạng viễn thông công cộng: Thiết lập mạng viễn thông di động mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (mạng viễn thông di động ảo).(Điều 36 Luật Viễn thông, Khoản 2 Điều 20 Nghị định 25/2011/NĐ-CP hướng dẫn Luật Viễn thông). Dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (Điều 11 Nghị định 130/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Giao dịch điện tử về Chữ ký số và chứng thực chữ ký số). Dịch vụ cấp dấu thời gian (Điều 30 Nghị định 130/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Giao dịch điện tử về Chữ ký số và chứng thực chữ ký số).	Giữ nguyên			
	jj) Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;	***Hoạt động cổng tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác*** Chi tiết: - Các dịch vụ thông			Cập nhật các ngành, nghề kinh doanh sau do thay đổi căn cứ pháp lý và/hoặc do thay đổi

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
	- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; - Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí, v.v… - Hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử (Điều 63 Nghị định 52/2013 về thương mại điện tử)	tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; - Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí, v.v… - Hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử *(Khoản 22 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP của Chính phủ về Thương mại điện tử)*			tên, mã ngành, nghề theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg
	jj) Hoạt động viễn thông không dây.	***Hoạt động viễn thông có dây, không dây và vệ tinh*** .			Cập nhật các ngành, nghề kinh doanh sau do thay đổi căn cứ pháp lý và/hoặc do thay đổi tên, mã ngành, nghề theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg
	jj) Hoạt động viễn thông có dây				
	jj) Lập trình máy vi tính	*Phát triển trò chơi điện tử, phần mềm trò chơi điện tử và các công cụ phần mềm trò chơi điện*			Cập nhật các ngành, nghề kinh doanh sau do thay đổi căn cứ pháp lý

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	Nội dung		Điều/Khoản/Mục	Điều lệ sau chỉnh lại	Lý do, căn cứ
		tủ			và/hoặc do thay đổi tên, mã ngành, nghề theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg
		Lập trình máy tính khác			
	kk) Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	*Tư vấn máy tính và quản lý hệ thống máy tính*			Cập nhật các ngành, nghề kinh doanh sau do thay đổi căn cứ pháp lý và/hoặc do thay đổi tên, mã ngành, nghề theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg
	ll) Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	*Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác*			Cập nhật các ngành, nghề kinh doanh sau do thay đổi căn cứ pháp lý và/hoặc do thay đổi tên, mã ngành, nghề theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg
	mm) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy (Khoản 9 Điều 41 Nghị định 136/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Phòng cháy và chữa cháy)	Giữ nguyên			
	nn) Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn	Giữ nguyên			

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	Nội dung		Điều/Khoản/Mục	Điều lệ sau chỉnh lại	Lý do, căn cứ
	thông trong các cửa hàng chuyên doanh				
	nn) Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: - Bán buôn phần mềm.	Giữ nguyên			
	oo) Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	Giữ nguyên			
	pp) Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí				Cập nhật các ngành, nghề kinh doanh sau do thay đổi căn cứ pháp lý và/hoặc do thay đổi tên, mã ngành, nghề theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg
	qq)	*Hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm.*			Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau để phù hợp với định hướng mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn tiếp theo
	rr)	*Cung ứng lao động tạm thời.*			
	ss)	*Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước*			
Khoản 4 Điều 4	*Chủ tịch Hội đồng quản trị* là người đại diện theo pháp luật của Công ty.			Bổ sung mới nội dung Người đại diện theo pháp luật của Công ty. 1.Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch HĐQT.	Theo điều 13 Luật Doanh nghiệp 2020

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	Nội dung		Điều/Khoản/Mục	Điều lệ sau chỉnh lại	Lý do, căn cứ
			Khoản 1 và 2 Điều 3	2.Quyền và nghĩa vụ Người đại diện theo pháp luật: a)Người đại diện theo pháp luật là người đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách là người yêu cầu, giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật. b)Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm: Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, trung thành vì lợi ích tốt nh ất của Công ty; Không lạm dụng địa vị, chức vụ hoặc sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác. c)Kịp thời, đầy đủ và chính xác thông báo cho Công ty về các doanh nghiệp mà mình hoặc Người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại gây ra cho Công ty do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Khoản 3 Điều này	
Khoản 1 điều 3			**Khoản 1 Điều 4**	Ngành nghề kinh doanh của Công ty được quy định cụ thể tại Phụ lục 01	Bổ sung nội dung

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	Nội dung		Điều/Khoản/Mục	Điều lệ sau chỉnh lại	Lý do, căn cứ
				(một) đính kèm Điều liệ này. Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ.	
Khoản 2 điều 3	Mục tiêu của Công ty là: a)Trở thành một công ty kinh doanh có uy tín và thành công trên thị trường Việt Nam và quốc tế trong các lĩnh vực nêu trên; b)Tạo ra lợi nhuận cho Cổ đông và việc làm cho xã hội. c)Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu này cần phải có sự chấp thuận của cơ quan quản lý thì Công ty chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.		Khoản 2 Điều 4	Mục tiêu của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm : (1) tối đa hóa lợi ích và nâng cao giá trị của Công ty trong sự hài hòa lợi ích của các Cổ đông ; (2) không ngừng nâng cao đời sống, thu nhập và môi trường làm việc của người lao động ; và (3) đảm bảo lợi ích của các bên liên quan khác nhằm hướng đến việc phát triển bền vững và có trách nhiệm.	Chỉnh sửa toàn bộ nội dung
Khoản 1 Điều 4	Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.		Khoản 1 Điều 5	Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề (quy định tại Điều lệ này) đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và theo quy định của Pháp luật.	Chỉnh sửa nội dung
Khoản 1 Điều 5	Cổ phần do Công ty phát hành là cổ phần phổ thông, kể cả các cổ phần do Nhà nước nắm giữ. Trường hợp cần thiết, công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật.			Căn cứ bỏ nội dung Tập trung vào việc xác định tổng số vốn điều lệ và số lượng cổ phần thực tế. Các quy định về loại cổ phần sẽ được dẫn chiếu chung theo quy định của pháp luật	Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2020 và theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Khoản 2 Điều 5	Vào ngày thông qua Điều lệ lần đầu,			Vốn điều lệ của Công ty là	Rút gọn nội dung

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
	Vốn điều lệ của Công ty là 26.000.000.000 đồng (hai mươi sáu tỉ đồng). Vào ngày sửa đổi cuối cùng của Điều lệ này, Vốn điều lệ của công ty là 203.930.000.000 đồng (hai trăm lẻ ba tỷ chín trăm ba mươi triệu đồng) Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 20.393.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.		**Khoản 1 Điều 6**	203.930.000.000 đồng (hai trăm lẻ ba tỷ chín trăm ba mươi triệu đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 20.393.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.	theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Khoản 4 Điều 5	Tên, địa chỉ và số lượng cổ phần và các chi tiết khác về Cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại phụ lục 1 đính kèm. Phụ lục này là 1 phần của Điều lệ này.	Sửa lại nội dung: *Tên, địa chỉ và số lượng cổ phần và các chi tiết khác về Cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp.*	**Khoản 4 Điều 6**	Căn cứ bỏ nội dung: VMG đã trải qua quá trình hoạt động và phát triển lâu dài kể từ khi thành lập. Các thông tin về cổ đông sáng lập hiện đã được lưu vết đầy đủ trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp lịch sử và Sổ đăng ký cổ đông	Điều 120 Luật Doanh nghiệp 2020 Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Khoản 5 Điều 5	Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty. Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (không ít hơn hai mươi ngày), để cổ đông đặt mua. Mọi cổ phần không được cổ đông đặt mua hết chịu sự kiểm soát của HĐQT. HĐQT có thể phân phối quyền chọn mua các cổ phần đó cho		**Khoản 5 Điều 6**	Nội dung sửa đổi: Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
	các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với các điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.			điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.	
Khoản 6 Điều 5	Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.				
Khoản 7 Điều 5	Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm hoặc không có bảo đảm, và khi có phê chuẩn của ĐHĐCĐ, có thể phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền đặt mua, cho phép người nắm giữ chứng quyền được quyền mua cổ phần phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.		**Khoản 6 Điều 6**	Nội dung sửa đổi: Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Khoản 3 Điều 6	3.Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo	Bổ sung thêm nội dung: *3. Cổ phiếu của Công ty được phát hành dưới hình thức chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử. Đối với cổ phiếu đã*	Khoản 3 và khoản 4 Điều 7		Căn cứ theo Điều 121 Luật Doanh nghiệp. Theo Điều 61, Điều 62 Luật Chứng khoán 2019 và Khoản 1 Điều 149 Nghị định

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
	điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu	*được đăng ký và lưu ký tập trung theo quy định, quyền sở hữu được xác lập bằng việc ghi nhận trên hệ thống tài khoản của tổ chức có thẩm quyền về đăng ký, lưu ký chứng khoán và tuân thủ các quy định của pháp luật.* 4. *Đối với các cổ phần chưa thực hiện lưu ký hoặc được phép phát hành dưới hình thức chứng chỉ theo quy định của pháp luật:* Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ hoặc kể từ ngày hoàn thành nghĩa vụ thanh toán mua cổ phần theo phương án phát hành, người sở hữu cổ phần sẽ được Công ty cấp Chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in ấn chứng nhận này."			155/2020/NĐ-CP
Khoản 4 Điều 6	Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình		**Khoản 5 Điều 7**	Trường hợp giấy chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy	Theo Điều lệ mẫu

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
	thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.			hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: a) Thông tin về giấy chứng nhận cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại giấy chứng nhận cổ phiếu mới.	tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Khoản 1 Điều 7	1. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và luật pháp có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của <u>Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Trung tâm giao dịch chứng khoán.</u>	Sửa nội dung: 1.Tất cả các cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng *theo quy định của Pháp luật và* Điều lệ này. Cổ phiếu của Công ty *đã đăng ký, lưu ký tập trung và niêm yết/đăng ký giao dịch trên hệ thống của các Sở Giao dịch Chứng khoán được thực hiện chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;*	Khoản 1 Điều 8	Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và luật pháp có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
		bao gồm các quy định về phương thức giao dịch, bù trừ và thanh toán của cơ quan quản lý và các tổ chức vận hành thị trường liên quan."			
Khoản 3 Điều 7	2. Trong vòng 03 (ba) năm kể từ ngày thành lập, các Cổ đông sáng lập <u>không được chuyển nhượng cổ phần</u> của mình, trường hợp đặc biệt phải được sự đồng ý của ĐHĐCĐ.	Sửa toàn bộ nội dung: Trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày *Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, cổ phần phổ thông của Cổ đông sáng lập <u>được tự do chuyển nhượng cho Cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó.</u>*		Sửa thành nội dung: Việc chuyển nhượng cổ phần phổ thông của Cổ đông sáng lập tuân thủ quy định tại Luật Doanh nghiệp hiện hành	Căn cứ theo Khoản 3 và Khoản 4 Điều 120 Luật Doanh nghiệp 2020

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
Khoản 4 Điều 7	3. Việc chuyển nhượng cổ phần phải lập bằng văn bản và đăng ký vào sổ đăng ký Cổ đông. Sau thời điểm đăng ký vào sổ đăng ký Cổ đông, các bên không có quyền khiếu kiện về việc chuyển nhượng cổ phần. Chỉ có Cổ đông có tên trong sổ đăng ký Cổ đông mới được công nhận là Cổ đông hợp pháp của Công ty. Giấy tờ chuyển nhượng được ký bởi hoặc thay mặt bên chuyển nhượng và (trừ trường hợp cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ) bởi hoặc thay mặt bên nhận chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào sổ đăng ký Cổ đông, trừ trường hợp bên chuyển nhượng ủy quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự ĐHĐCĐ diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.	Sửa toàn bộ nội dung: *4.Thủ tục chuyển nhượng cổ phần:* *a.Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký.* *c.Đối với cổ phần đã được đăng ký, lưu ký tập trung, việc chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. d.Việc xác lập quyền sở hữu và thay đổi thông tin cổ đông được căn cứ theo ghi nhận trên hệ thống của tổ chức đăng ký, lưu ký và bù trừ chứng khoán.*	**Khoản 4 Điều 8**	Sửa thành nội dung: Kể từ thời điểm cổ phiếu của Công ty được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán, việc chuyển nhượng cổ phiếu được thực hiện theo các quy định của pháp luật.	Căn cứ theo Điều 127 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 62 Luật Chứng khoán 2019

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	Nội dung		Điều/Khoản/Mục	Điều lệ sau chỉnh lại	Lý do, căn cứ
Khoản 5 Điều 7	4. HĐQT hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần ghi danh nào chưa được thanh toán đầy đủ.	Sửa lại nội dung: HĐQT *có trách nhiệm từ chối* đăng ký chuyển nhượng đối với các cổ phần ghi danh chưa được thanh toán đầy đủ *theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.*		Gộp thành nội dung tại khoản 4 Điều 8	Theo Khoản 3 Điều 127 Luật Doanh nghiệp 2020
Khoản 6 Điều 7	5. Khi công ty niêm yết chứng khoán trên thị trường chứng khoán thì việc chuyển nhượng các cổ phiếu có quyền chào bán tự do trên thị trường chứng khoán được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.	Sửa lại toàn bộ nội dung: *Kể từ thời điểm cổ phiếu của Công ty được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán, việc chuyển nhượng cổ phiếu được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, bao gồm các quy định về giao dịch, đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán tập trung.*	**Khoản 4 Điều 8**	Kể từ thời điểm cổ phiếu của Công ty được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán, việc chuyển nhượng cổ phiếu được thực hiện theo các quy định của pháp luật.	Theo Điều 62 Luật Chứng khoán 2019
Khoản 7 Điều 7	6. Trong trường hợp một Cổ đông bị chết, chỉ người sau đây được Công ty công nhận có quyền sở hữu đối với cổ phần của người đã chết:	Sửa lại bổ sung nội dung: Trong trường hợp một Cổ đông bị chết, chỉ		Trong trường hợp một Cổ đông là cá nhân chết (cổ phần chưa thực hiện lưu ký), bị mất năng lực hành vi dân sự, hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì những người thừa kế (bao	Theo Khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp 2020; Điều 611 đến Điều 662,

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	Nội dung		Điều/Khoản/Mục	Điều lệ sau chỉnh lại	Lý do, căn cứ
	a) Người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó; b) Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty chỉ công nhận đại diện sở hữu này và không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế. Những quy định này không giải tỏa tài sản của Cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.	người sau đây được Công ty công nhận có quyền sở hữu đối với cổ phần của người đã chết: a) Người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó. *Việc xác định người thừa kế được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự;* b) Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp *một số lượng cổ phần, các đồng thừa kế phải cử một người đại diện duy nhất bằng văn bản có công chứng/chứng thực để thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với Công ty. Công ty chỉ công nhận và làm việc với người đại diện này trong các quan hệ quản trị liên quan; Mọi tranh chấp giữa các đồng thừa kế do các bên tự giải quyết hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.* *c)Người thừa kế chỉ được xác lập quyền cổ*	**Khoản 4 Điều 8**	gồm thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật) hoặc những người quản lý tài sản hợp pháp của Cổ Đông đó sẽ là người/những người duy nhất được Công Ty thừa nhận là có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần; và quy định này không được hiểu là Cổ Đông đã chết, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự được miễn trừ trách nhiệm của mình khỏi mọi nghĩa vụ gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ: a) Người thừa kế được xác định theo quy định của pháp luật về dân sự ; b) Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty chỉ công nhận đại diện sở hữu này và không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế. c) Người thừa kế chỉ được xác lập quyền cổ đông sau khi người thừa kế hoàn tất thủ tục khai nhận di sản và đăng ký thông tin theo quy định của Pháp luật và tổ chức lưu ký. d) Việc thừa kế cổ phần không làm chấm dứt các nghĩa vụ tài chính hoặc trách nhiệm pháp lý gắn liền với số cổ phần đó mà người quá cố chưa thực hiện xong đối với Công ty.	Điều 658 Bộ luật Dân sự 2015

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (ĐHĐCĐ đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
		đông sau khi người thừa kế hoàn tất thủ tục khai nhận di sản và đăng ký thông tin theo quy định của Pháp luật và tổ chức lưu ký. *d) Việc thừa kế cổ phần không làm chấm dứt các nghĩa vụ tài chính hoặc trách nhiệm pháp lý gắn liền với số cổ phần đó mà người quá cố chưa thực hiện xong đối với Công ty.* *e) Đối với cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký tập trung, trình tự và thủ tục chuyển quyền sở hữu cho người thừa kế được thực hiện theo quy định của tổ chức đăng ký, lưu ký và bù trừ chứng khoán*			
Khoản 8 Điều 7	8.Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.	Bổ sung thêm nội dung: Trường hợp cổ đông cá nhân chết *(hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết)* mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận hoặc bị truất quyền thừa kế, thì	**Khoản 5 Điều 8**	Trường hợp cổ đông cá nhân chết *(hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết)* mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận hoặc bị truất quyền thừa kế, thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật.	Khoản 2 Điều 127 Luật Doanh nghiệp 2020

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
		số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự *và các quy định liên quan về chứng khoán.*			
Khoản 9 Điều 7	9.Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty.	Bổ sung thêm nội dung: Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty *kể từ thời điểm thông tin của họ được ghi nhận đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông hoặc hệ thống lưu ký chứng khoán tập trung.*	**Khoản 6 Điều 8**	Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty theo quy định của pháp luật.	Khoản 5 Điều 127 Luật Doanh nghiệp 2020
Khoản 10 Điều 7	10.Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.	Bổ sung thêm nội dung: Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông *hoặc được ghi*	**Khoản 7 Điều 8**	Giữ nguyên nội dung HĐQT đã thông qua	Điều 122 Luật Doanh nghiệp 2020

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
		nhận trên hệ thống tài khoản lưu ký của tổ chức đăng ký, lưu ký và bù trừ chứng khoán.			
Khoản 11 Điều 7	11. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ công ty.	Sửa toàn bộ nội dung: *Đối với cổ phần chưa lưu ký tập trung, Công ty thực hiện đăng ký thay đổi cổ đông trong Sổ đăng ký cổ đông trong thời hạn **03 (ba) ngày làm việc** kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.* *Đối với cổ phần đã đăng ký, lưu ký tập trung, việc ghi nhận quyền sở hữu được thực hiện căn cứ theo danh sách cổ đông do tổ chức đăng ký, lưu ký và bù trừ chứng khoán cung cấp hoặc theo xác nhận của thành viên lưu ký.*	**Khoản 8 và Khoản 9 Điều 8**	Giữ nguyên nội dung HĐQT đã thông qua	Khoản 6 Điều 127 Luật Doanh nghiệp 2020 Điều 62 Luật Chứng khoán 2019

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
Điều 8	Thu hồi cổ phần			Bỏ nội dung do Thu hồi cổ phần chỉ áp dụng đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Điều 9	*Cơ cấu tổ chức quản lý* Cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty bao gồm: a) Đại hội đồng Cổ đông; b) Ban kiểm soát; c) Hội đồng quản trị; và d) Tổng Giám đốc .	***Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát*** Cơ cấu tổ chức, quản *trị và kiểm soát* của Công ty bao gồm: a) Đại hội đồng Cổ đông; *b) Hội đồng quản trị;* *c) Ban kiểm soát; và* d) Tổng Giám đốc . *Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ định tối thiểu một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký công ty để hỗ trợ công tác quản trị và điều hành theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.*	**Khoản 1 Điều 9**	Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm a) Đại hội đồng Cổ đông; b) Hội đồng quản trị c) Ban kiểm soát; d) Tổng Giám đốc.	Điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020
Mục e Khoản 2 Điều 10	Kiểm tra các thông tin liên quan đến Cổ đông trong danh sách Cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng Cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác		**Mục e Khoản 2 Điều 10**	Cổ đông có đủ tư cách tham gia vào ĐHĐCĐ được quyền kiểm tra thông tin liên quan đến dữ liệu cá nhân của mình và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác	Theo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15
Mục f Khoản 2 Điều 10	Trong trường hợp công ty bị giải thể, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh		**Mục f Khoản 2 Điều 10**	Trường hợp công ty giải thể hoặc phá sản, Cổ đông được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu tại Công ty, sau	Khoản 1, Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020 Khoản 5, Điều 208

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
	toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ và sau các Cổ đông ưu đãi			khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ với Nhà nước, thuế, phí và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của công ty theo quy định của Pháp luật);	Luật Doanh nghiệp 2020 Điều 54 Luật Phá sản 2014
Mục I Khoản 2 Điều 10	Được thông tin thường xuyên và đột xuất về tình hình hoạt động của Công ty; được quyền yêu cầu HĐQT cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh có liên quan đến quyền lợi Cổ đông (trừ những bí mật về hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: thủ thuật kinh doanh, cách lựa chọn đối tác, phương pháp tác nghiệp kinh doanh…);		**Mục i Khoản 2 Điều 10**	Chỉnh sửa nội dung: Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Khoản 1 Điều 12	Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.		**Khoản 1 Điều 13**	Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.	Theo tình hình thực tế
Khoản 3 Điều 12	Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa *chọn địa điểm phù hợp*. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được		**Khoản 3 Điều 12**	Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm tổ chức phù hợp (hội nghị trực tiếp hoặc hội nghị trực tuyến hoặc kết hợp hội nghị trực tiếp và trực tuyến). Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý	Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
	chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.			kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.	
Mục b Khoản 4 Điều 12	Khi số thành viên của HĐQT và Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;		**Mục b khoản 4 Điều 12**	Khi số thành viên của HĐQT, Thành viên độc lập HĐQT, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà Pháp luật quy định hoặc số Thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định trong Điều lệ này;	Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020
Khoản 5 Điều 12	HĐQT phải triệu tập một cuộc họp Đại hội cổ đông bất thường trong vòng 30 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại theo quy định tại điểm b Khoản 4 hoặc nhận được yêu cầu nêu tại điểm c hoặc điểm d Khoản 4 trên đây.		**Mục a khoản 5 Điều 12**	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường được thực hiện như sau: a)HĐQT phải triệu tập cuộc họp Đại hội cổ đông bất thường trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại theo quy định tại điểm b Khoản 4 tại Điều lệ này hoặc nhận được yêu cầu nêu tại điểm d hoặc điểm e Khoản 4 Điều lệ này;	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Khoản 8 Điều 12	Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông…….			Bỏ do trùng nội dung tại Điều 16 Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông	

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	Nội dung		Điều/Khoản/Mục	Điều lệ sau chỉnh lại	Lý do, căn cứ
Khoản 2 Điều 13	ĐHĐCĐ có các quyền và nghĩa vụ sau		**Khoản 1 Điều 13**	ĐHĐCĐ có các quyền và nghĩa vụ sau	Điều chỉnh lại thứ tự các mục theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Khoản 1 Điều 13	ĐHĐCĐ có các quyền và nghĩa vụ sau		**Khoản 2 Điều 13**	ĐHĐCĐ có các quyền và nghĩa vụ sau	Điều chỉnh lại thứ tự các mục theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Khoản 1 Điều 14	Các Cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là Cổ đông.	Bổ sung nội dung: Các Cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là Cổ đông. *Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần ủy quyền cho mỗi người đại diện.*	**Khoản 1 Điều 15**	Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Khoản 2 Điều 14	Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy		**Khoản 2 Điều 14**	Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	Nội dung		Điều/Khoản/Mục	Điều lệ sau chỉnh lại	Lý do, căn cứ
	quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.			phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	
Khoản 3 Điều 14	Trường hợp văn bản chỉ định đại diện được ủy quyền được một luật sư ký thay mặt cho người ủy quyền thì thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao có xác nhận hợp lệ của thư ủy quyền đó phải được (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty) nộp cùng với đơn chỉ định đại diện được ủy quyền. Nếu điều này không được thực hiện thì việc chỉ định ủy quyền sẽ bị coi là không có hiệu lực.		Khoản 3 Điều 15	Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Khoản 4 Điều 14	Lá phiếu bầu của đại diện được ủy quyền trong phạm vi được ủy quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi Cổ đông chỉ định đại diện ủy quyền đó đã: a) Chết hoặc không có khả năng tự chủ hành vi của mình; b) Hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; hoặc c) Hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.		Khoản 4 Điều 15	Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: a)Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b)Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; hoặc c)Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	Nội dung		Điều/Khoản/Mục	Điều lệ sau chỉnh lại	Lý do, căn cứ
				quyền.	
Khoản 5 Điều 14	Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp sau đây:.....		Điều 14	Bỏ nội do trùng nội dung đã nêu tại khoản 1 Điều 14	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Điều 16	Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo		**Điều 16**	Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Khoản 5 Điều 16	Người triệu tập ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối *những kiến nghị liên quan đến khoản 4 của Điều này nếu*:		**Khoản 5 Điều 16**	Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:	Theo quy định tại khoản 3 Điều 142 Luật Doanh nghiệp Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Điều 17	Các điều kiện tiến hành họp HĐQT và lập biên bản ĐHĐCĐ		**Điều 17**	Bổ sung nội dung và tách điều 17 thành các điều:: 1. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ 2. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ 3. Điều kiện nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Khoản 10 Điều 17	....Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Trong ĐHĐCĐ triệu tập lại cần có số thành viên tham dự là các Cổ đông và những đại diện được		**Khoản 2 Điều 17**	Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần 2 (hai) được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ 2 (hai) khi có số Cổ Đông Dự	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
	ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.			Họp đại diện cho ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	
Khoản 10 Điều 17	Khi đại hội lần thứ hai không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, một Đại hội Cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần thứ hai và trong đại hội lần này bất kỳ số lượng Cổ đông hay đại diện ủy quyền nào tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn một cách hợp lệ.		**Khoản 3 Điều 17**	Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không đủ được tiến hành theo quy định tại khoản 2 điều này thì thông báo mời họp lần thứ 3 phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ 2 (hai). Trong trường hợp này ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy uyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCD lần thứ 1 (một) có thể phê chuẩn.	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
			Điều 18	Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Khoản 1 Điều 17	Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành…..		**Khoản 1 điều 18**	Bổ sung nội dung: Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau: …..	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
			Mục b Khoản 1 Điều 18	Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
				người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.	116/2020/TT-BTC
			Khoản 6 Điều 18	Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp. a)Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; b)Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; c)Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Khoản 3, Khoản 4 và khoản 5 Điều 17	Các điều kiện tiến hành họp HĐQT và lập biên bản ĐHĐCĐ - Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 75% tổng…….		**Điều 19**	Sửa thành Điều 20: Điều kiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua…….	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
Điều 19	Phê chuẩn các Nghị Quyết thông qua hình thức gửi văn bản		Điều 20	Điều chỉnh đề mục giữ nguyên nội dung: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Điều 17	Các điều kiện tiến hành họp HĐQT và lập biên bản ĐHĐCĐ		**Điều 21**	Điều chỉnh đề mục: Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Khoản 8 Điều 17	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:		**Khoản 1 Điều 21**	Giữ nguyên nội dung	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
			Khoản 2 Điều 21	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp và người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực chính xác của nội dung biên bản.	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
			Khoản 3 Điều 21	Biên bản được lập bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
Khoản 9 Điều 17	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.		**Khoản 4 Điều 21**	Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty..	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
			Điều 23	Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Khoản 4 Điều 20	Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCD…..		**Khoản 1 Điều 23**	Điều chỉnh để mục giữ nguyên nội dung Ứng cử thành viên HĐQT: Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCD…..	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
			Mục d Khoản 2 Điều 23	Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Điều 20	Thành phần và nhiệm kỳ		**Điều 24**	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Khoản 3 Điều 20	Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị	3.Cơ cấu thành viên			Khoản 4 Điều 276

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
	như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định có tối thiểu 01 thành viên độc lập;	Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định có tối thiểu 01 thành viên độc lập; *Số lượng thành viên độc lập phải đảm bảo theo quy định của pháp luật về quản trị công ty đại chúng và niêm yết*	**Khoản 3 Điều 24**		Nghị định 155
			Khoản 4 Điều 24	Bổ sung nội dung: Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
			Khoản 5 Điều 24	Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Khoản 8 Điều 20	Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty		**Khoản 5 Điều 25**	Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty.	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Điều 21	Quyền hạn và *nhiệm vụ* của HĐQT		**Điều 25**	Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Khoản 3 Điều 21	Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau		**Khoản 2 Điều 25**	Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Mục f Khoản 2 Điều 21	Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;		**Mục f Khoản 2 Điều 25**	Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC;
Mục i Khoản 2 Điều 21	Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty		**Mục j Khoản 2 Điều 25**	Điều chỉnh cán bộ quản lý cấp cao thành Người điều hành doanh nghiệp: Bầu, Miễn nhiệm, bãi nhiệm bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng; Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Chủ tịch HĐQT; Người điều hành doanh nghiệp; cử	Điều chỉnh chức danh

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	Nội dung		Điều/Khoản/Mục	Điều lệ sau chỉnh lại	Lý do, căn cứ
	khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;			người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	
Mục j Khoản 2 Điều 21	Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;		**Mục j Khoản 2 Điều 25**	Điều chỉnh cán bộ quản lý cấp cao thành Người điều hành doanh nghiệp: Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;	Điều chỉnh chức danh
Mục l Khoản 2 Điều 21	Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành *Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị*, Quy chế về công bố thông tin của công ty;		**Mục l Khoản 2 Điều 25**	Bỏ nội dung Ủy ban Kiểm toán do trong trong mô hình hiện tại không có Ủy ban này: Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế về công bố thông tin của công ty sau khi được ĐHCĐ đông thông qua.	Chỉnh sửa nội dung
Khoản 5 Điều 21	HĐQT có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện và hành động thay mặt cho công ty, thậm chí cả khi vấn đề đòi hỏi việc đánh giá và đưa ra kết luận, trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác.	Bổ sung nội dung: HĐQT có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện và hành động thay mặt cho công ty, thậm chí cả khi vấn đề đòi hỏi việc đánh giá và đưa ra kết luận, trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác. Việc ủy quyền không làm thay đổi trách nhiệm cuối			Khoản 4 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	Nội dung		Điều/Khoản/Mục	Điều lệ sau chỉnh lại	Lý do, căn cứ
		cùng của Hội đồng quản trị trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật			
Khoản 6,7,8,9,10 và 11 Điều 21	Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.....		**Điều 26**	Chỉnh sửa thành Điều khoản riêng; giữ nguyên nội dung của các quy định hiện tại Điều 26: Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC;
Điều 22	Chủ tịch, *thành viên HĐQT....*		**Điều 27**	**Chủ tịch HĐQT**	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC;
Khoản 1 và 2 điều 22	1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.	Bổ sung thêm nội dung 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc công ty. *3. Công ty có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc là người đại diện*	**Khoản 1 và 2 Điều 27**	Giữ nguyên nội dung tại quy định hiện hành 1.Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. 2.Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc công ty.	**Điều 275**. Nghị định 155/2020/NĐ-CP về luật chứng khoán Điều 12. Luật DNNgười đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp (Luật DN) Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
		theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều lệ này và theo phân công của Hội đồng quản trị. *Hội đồng quản trị quyết định việc phân công quyền, nghĩa vụ và phạm vi đại diện của từng người đại diện theo pháp luật phù hợp với quy định của pháp luật.*			116/2020TT -BTC
Khoản 3 Điều 22	Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.	Bổ sung thêm nội dung: c)Tổ chức việc thông qua *và thay mặt HĐQT ký ban hành* các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị *và các văn bản quan trọng khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.* *g) Chủ tịch Hội đồng quản trị trực tiếp chỉ đạo Người phụ trách quản trị công ty (Thư ký công ty) và có quyền huy động bộ máy giúp việc, nguồn lực của Công ty để phục vụ các hoạt động của Hội đồng quản trị, các Ủy ban trực thuộc và công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông.*	**Khoản 3 Điều 27**	Giữ nguyên nội dung tau Điều khoản tại quy định hiện hành	Khoản 3, Điểm c Điều 156.Luật DN Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020 Điều 282 – Người phụ trách quản trị công ty
Khoản 6 Điều 22	Nhiệm vụ các thành viên khác của			Nhiệm vụ các thành viên khác của	

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
	HĐQT do Chủ tịch HĐQT phân công phù hợp với hoạt động của Công ty và điều kiện công việc của từng thành viên		**Khoản 6 Điều 27**	HĐQT do Chủ tịch HĐQT phân công phù hợp với hoạt động của Công ty và điều kiện công việc của từng thành viên. Các quy định về phân cấp trách nhiệm và nội dung công việc chi tiết được thực hiện theo dẫn chiếu tại Quy chế hoạt động của HĐQT.	
Khoản 6 và 7 Điều 22	6.Nhiệm vụ các thành viên khác của HĐQT do Chủ tịch HĐQT phân công phù hợp với hoạt động của Công ty và điều kiện công việc của từng thành viên 7.Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên HĐQT như sau: b)Được quyền yêu cầu các cán bộ, chức danh trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình;	Bổ sung thêm nội dung: b) Được quyền yêu cầu *Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác* trong Công ty cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình. *Việc yêu cầu và cung cấp thông tin được thực hiện theo quy trình quy định tại Quy chế quản trị nội bộ.*	**Khoản 6 Điều 28**	Nhiệm vụ các thành viên khác của HĐQT do Chủ tịch HĐQT phân công phù hợp với hoạt động của Công ty và điều kiện công việc của từng thành viên. Các quy định về phân cấp trách nhiệm và nội dung công việc chi tiết được thực hiện theo dẫn chiếu tại Quy chế hoạt động của HĐQT.	Khoản 1 Điều 159 Luật Doanh nghiệp 2020
Điều 23	***Các cuộc họp của HĐQT*** 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất	Bổ sung thêm nội dung: *1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó.*	**Khoản 1 Điều 28**	Giữ nguyên nội dung HĐQT đã thông qua	Khoản 1 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
	một (01) lần. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị; b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;	*Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.* 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.			

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
Mục b Khoản 2 Điều 23	Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người *quản lý* khác;		**Mục b khoản 3 Điều 28**	Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;	Theo tình định nghĩa "Người điều hành" tại Điều lệ mẫu Thông tư số 116/2020TT -BTC
Khoản 3 Điều 23	Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.		**Khoản 4 Điều 28**	Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp nêu tại khoản 3 Điều 28 có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.	Theo tình hình thực tế
Khoản 4 Điều 23	*Địa điểm họp:* Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành *ở địa chỉ đã đăng ký* của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng và sự nhất trí của HĐQT.		**Khoản 5 Điều 28**	Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và sự nhất trí của HĐQT.	Chỉnh sửa nội dung địa điểm họp
Mục b Khoản 7 Điều 23	*Một* thành viên HĐQT sẽ không được biểu quyết về *các hợp đồng hoặc giao dịch nào* mà thành viên đó hoặc bất kỳ người liên quan nào đó có lợi ích và lợi ích đó có thể		**Mục b Khoản 9 Điều 28**	Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc bất kỳ người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn	Chỉnh sửa lại nội dung

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	Nội dung		Điều/Khoản/Mục	Điều lệ sau chỉnh lại	Lý do, căn cứ
	mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.			hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một Thành viên HĐQT không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.	
Mục c Khoản 7 Điều 23	Theo quy đinh tại mục 7d Điều này, trong một cuộc họp HĐQT, nếu có bất kỳ vấn đề nào đó phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng đó, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của vị chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên HĐQT khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp t ính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.		**Mục c Khoản 9 Điều 28**	Theo quy đinh tại mục 7d Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp HĐQT liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng liên quan chưa được công bố đầy đủ.	Chỉnh sửa lại nội dung
Khoản 8 Điều 23	Tuyên bố lợi ích: Một thành viên HĐQT mà bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến với Công ty sẽ phải tuyên bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu		**Khoản 10 Điều 28**	Chỉnh sửa bổ sung nội dung: a)Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai	Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2020

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	Nội dung		Điều/Khoản/Mục	Điều lệ sau chỉnh lại	Lý do, căn cứ
	tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết mình có lợi ích trong đó. Hoặc thành viên này có thể tuyên bố điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mì nh có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.			lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT thảo luận về việc ký kết hoặc giao dịch này. Trường hợp, thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan b)Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.	
Khoản 11 Điều 23	Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Một cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT		**Khoản 12 Điều 28**	Cuộc họp HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở địa	Chỉnh sửa nội dung

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	Nội dung		Điều/Khoản/Mục	Điều lệ sau chỉnh lại	Lý do, căn cứ
	mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: a) Nghe từng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (cho dù là đã được sử dụng vào thời điểm thông qua Điều lệ này hay sau này mới được sử dụng) hoặc là kết hợp những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp. Các Nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết			điểm khác nhau với với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: c) Nghe từng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; d) Thành viên tham gia phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận, trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp phương thức này. Thành viên Hội đồng tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT hoặc là địa điểm có mặt Chủ toạ cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.	

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	Nội dung		Điều/Khoản/Mục	Điều lệ sau chỉnh lại	Lý do, căn cứ
	thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.				
Mục b Khoản 11 Điều 23	Các Nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.	Các Nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này. *Chữ ký có thể là chữ ký trực tiếp, chữ ký số hoặc chữ ký được gửi qua bản quét (scan)/fax và được lưu giữ cùng biên bản gốc.*	**Mục b Khoản 12 Điều 28**	Giữ nguyên nội dung HĐQT đã thông qua	Điều 22 và 23 Luật Giao dịch điện tử
Khoản 12 Điều 23	12.Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng sau đây: a)Những thành viên có quyền biểu quyết về Nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng; b)Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối	Bổ sung thêm nội dung 12.Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng sau đây: a)Những thành viên có quyền biểu quyết về Nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng;	**Khoản 13 Điều 28**	Giữ nguyên nội dung HĐQT đã thông qua	Khoản 2 Điều 153 Luật DN

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	Nội dung		Điều/Khoản/Mục	Điều lệ sau chỉnh lại	Lý do, căn cứ
	thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng. Loại Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một Nghị quyết được các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký.	b)Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng. Loại Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một Nghị quyết được các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký. *Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền gửi phiếu lấy ý kiến kèm hồ sơ qua phương thức bảo đảm (thư bảo đảm, email đích danh hoặc phần mềm quản trị). Thời hạn phản hồi tối thiểu là 03 ngày làm việc kể từ ngày gửi thành công. Nếu hết thời hạn quy định mà thành viên không gửi*			

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
		lại phiếu biểu quyết, được coi là không tán thành và Ban Thư ký phải ghi rõ trường hợp này vào Biên bản tổng hợp kết quả lấy ý kiến.			
Khoản 17 Điều 23	17.Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	Bổ sung thêm nội dung: 17.Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. *Việc chấp thuận này có thể được thực hiện bằng văn bản hoặc xác nhận trực tiếp tại biên bản họp.*	**Khoản 17 Điều 28**	Giữ nguyên nội dung HĐQT đã duyệt	
Khoản 18 Điều 23	HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách…..		**Điều 29**	Các Tiểu ban thuộc HĐQT	Bổ sung đề mục
Khoản 1 Điều 24	Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công *ty tại doanh nghiệp.* Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.		**Khoản 1 Điều 30**	Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.	Chỉnh sửa nội dung

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
Chương VIII	**Tổng giám đốc, Những cán bộ quản lý và thư ký Công ty**		**Chương VIII**	Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp.	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Điều 25	*Tổ chức bộ máy quản lý* Công ty sẽ phải ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của HĐQT. Công ty có một Tổng Giám đốc, một số Phó Tổng giám đốc và một Giám đốc tài chính do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên HĐQT và do HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi miễn theo một Nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.	Bổ sung thêm nội dung: Công ty sẽ phải ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của HĐQT. Công ty tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình Hội đồng quản trị, *Ban* Tổng Giám đốc, Ban điều hành, và các chức danh khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Bộ máy điều hành chịu sự quản lý và giám sát của Hội đồng quản trị. Trong đó: *- Ban Tổng Giám đốc (BTGĐ): Là bộ phận lãnh đạo ra quyết định điều hành trực tiếp hoạt động kinh doanh hằng ngày.* *- Ban Điều hành (BĐH): Là hệ thống*	Điều 31	Công ty sẽ phải ban hành một hệ thống quản lý, theo đó bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát chỉ đạo của HĐQT trong hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có một Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, một Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng Nghị quyết của HĐQT.	Điều 162. Luật Doanh nghiệp 2020

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
		quản lý rộng hơn, bao gồm BTGĐ và các chức danh quản lý chức năng, đóng vai trò thực thi và tham mưu. *a. Ban Tổng Giám đốc: Bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc là bộ phận nòng cốt, dẫn dắt hoạt động của Ban Điều hành.* *Tổng Giám đốc là người đứng đầu Ban Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT và các quyết định quản lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.* *b. Ban Điều hành Bao gồm Ban Tổng Giám đốc; Giám đốc Tài chính (CFO); Giám đốc Nhân sự (CHRO); Kế toán trưởng; Giám đốc các đơn vị/trung*			

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	Nội dung		Điều/Khoản/Mục	Điều lệ sau chỉnh lại	Lý do, căn cứ
		tâm/khối chức năng và các chức danh quản lý khác theo quyết định của HĐQT hoặc Tổng Giám đốc. *Ban Điều hành hoạt động theo sự phân công của Tổng Giám đốc và quy chế quản lý nội bộ. Các thành viên BĐH có trách nhiệm phối hợp liên chuyên môn, tham mưu giải pháp và báo cáo kết quả thực thi cho BTGĐ.* 2. Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính có thể đồng thời là thành viên HĐQT và do HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi miễn theo một Nghị quyết được thông qua một cách hợp thức. 3. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc tài chính do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt			

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	Nội dung		Điều/Khoản/Mục	Điều lệ sau chỉnh lại	Lý do, căn cứ
		hợp đồng và quyết định chế độ tiền lương, thù lao, quyền lợi khác. *4. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.* 5. Hội đồng quản trị quyết định cơ cấu tổ chức, phân cấp quản lý, phân quyền điều hành và ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.			
Điều 26	***Cán bộ quản lý cấp cao*** 1. Cán bộ quản lý cấp cao phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. 2. Cán bộ quản lý cấp cao của công ty là các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Giám đốc Nhân sự và Kế toán trưởng của công ty.	Bổ sung thêm nội dung 1. Cán bộ quản lý cấp cao phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. 2. *Cán bộ quản lý cấp cao là những người do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bao*	Điều 32	Nội dung sửa đổi: Người điều hành doanh nghiệp 1. Người điều hành doanh nghiệp *bao gồm* Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và Người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty; 2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
	3. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và sự chấp thuận của HĐQT, công ty có thể có thêm các chức danh quản lý khác là Cán bộ quản lý cấp cao.	*gồm: Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc; Giám đốc tài chính; Kế toán trưởng; Giám đốc Nhân sự và các chức danh quản lý khác thuộc Ban Điều hành theo quyết định của Hội đồng quản trị trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc.* *3. Các chức danh quản lý khác trong bộ máy điều hành không thuộc đối tượng quy định tại khoản này do Tổng giám đốc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo phân cấp quản lý do Hội đồng quản trị ban hành* 4. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và sự chấp thuận của HĐQT, công ty có thể có thêm các chức danh quản lý khác là Cán bộ quản lý cấp cao.		HĐQT, Công ty được tuyển dụng Người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có sự mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức. 3. Tiền lương, thưởng của Người điều hành sẽ do HĐQT quyết định. 4. Tiền lương, thưởng của Người điều hành khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của luật pháp về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.	
Điều 27	Theo quyết định của Tổng Giám đốc, công ty sẽ có một số lượng nhất định và các loại cán bộ quản lý khác cần thiết hoặc thích hợp để thực hiện các cơ cấu và thông lệ quản lý. HĐQT có quyền xem xét và đề xuất thay đổi cơ cấu cán bộ quản lý khác	Bổ sung thêm nội dung Theo quyết định của Tổng Giám đốc, Công ty có thể có một số lượng nhất định và các loại cán bộ quản lý khác cần thiết hoặc phù hợp để thực hiện cơ cấu		Bỏ nội dung Cán bộ quản lý cấp cao	

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	Nội dung		Điều/Khoản/Mục	Điều lệ sau chỉnh lại	Lý do, căn cứ
	nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích tối cao của Công ty. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. Cán bộ quản lý khác này không bao gồm các cán bộ quản lý cấp cao do HĐQT quyết định ở Điều 26.	tổ chức và hoạt động quản lý *của Công ty theo quy chế quản lý nội bộ và phân cấp quản lý do Hội đồng quản trị ban hành. Hội đồng quản trị quyết định cơ cấu tổ chức, phân cấp quản lý và có quyền yêu cầu điều chỉnh cơ cấu cán bộ quản lý khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.* Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để bảo đảm các hoạt động của Công ty được tổ chức và thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Cán bộ quản lý quy định tại Điều này không bao gồm các cán bộ quản lý cấp cao do Hội đồng quản trị *bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại* Điều 26 của Điều lệ này.			
Điều 28	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc		**Khoản 2 Điều 33**	Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	Nội dung		Điều/Khoản/Mục	Điều lệ sau chỉnh lại	Lý do, căn cứ
				giao.	
Khoản 2 Điều 28	Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (năm) năm trừ khi HĐQT có quy định khác. Việc tái bổ nhiệm được phép thực hiện. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức Nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.		**Khoản 3 Điều 34**	Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không được phép là người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Điểm b Khoản 3 Điều 28	Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau: a) Quyết định tất cả các vấn đề không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;	Bổ sung thêm nội dung: a)Quyết định tất cả các vấn đề không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức *và các giao dịch khác trong phạm vi hạn mức và thẩm quyền được quy định cụ thể tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế quản lý tài chính của Công ty;*	Mục b Khoản 4 **Điều 34**	Quyết định tất cả các vấn đề không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty k ý kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;	Theo tình hinh thực tế

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	Nội dung		Điều/Khoản/Mục	Điều lệ sau chỉnh lại	Lý do, căn cứ
		Thực hiện điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;			
Khoản 3 Điều 27	Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:		**Khoản 4 Điều 33**	Tổng Giám đốc có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
			Mục c Khoản 4 Điều 33	Bổ sung nội dung: Kiến nghị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Mục c,d,e khoản 3 Điều 28	c)Đối với cán bộ quản lý cấp cao: - Kiến nghị về số lượng và các loại cán bộ quản lý cấp cao mà Công ty cần thuê (hoặc không cần tiếp tục sử dụng) để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết để thực hiện các thông lệ quản lý tốt nhất; - Đề xuất HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý cấp cao. d) Quyết định số lượng và các loại cán bộ quản lý khác (không bao gồm cán bộ quản lý cấp cao) mà Công ty cần thuê để thực hiện các thông lệ quản lý tốt nhất và quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý khác này.	Sửa lại nội dung b) Đối với cán bộ quản lý cấp cao *thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT*: - Kiến nghị về số lượng và các loại cán bộ quản lý cấp cao mà Công ty cần thuê (hoặc không cần tiếp tục sử dụng) để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết để thực hiện các thông lệ quản lý tốt nhất; - Đề xuất HĐQT	**Mục d Khoản 4 Điều 33**	Kiến nghị số lượng và Người điều hành khác mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo Quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác để HĐQT quyết định.	Theo tình hình thực tế

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
	Trường hợp HĐQT xét thấy cần thay đổi, số lượng cán bộ quản lý khác này và mức lương, thù lao, các lợi ích khác của các cán bộ quản lý khác thì các quyết định theo khoản này sẽ phải thông qua HĐQT.	quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý cấp cao.			
Mục e khoản 4 Điều 28	Số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ sẽ do Tổng Giám đốc quyết định trong giới hạn cho phép chi phí lương theo kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.		**Mục e khoản 4 Điều 33**	Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến Hợp đồng lao động của họ	Theo tình hinh thực tế
Khoản 5 Điều 27	Bãi nhiệm: HĐQT có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc với ít nhất 50% thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Tổng Giám đốc trong trường hợp này) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại ĐHĐCĐ tiếp theo.		**Khoản 5 Điều 33**	HĐQT có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc với đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Chương IX	NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC		**Chương IX**	NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG	Điều chỉnh chức danh

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
	VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ			QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	
Điều 30	**Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý** Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý được ủy thác trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.		**Điều 34**	**Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp** Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành được ủy thác trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.	Điều chỉnh chức danh
Điều 31			**Điều 35**	Điều chỉnh chức danh Cán bộ quản lý thành Người điều hành	Điều chỉnh chức danh
Mục a Khoản 7 Điều 31	Chỉnh sửa nội dung Đối với giao dịch có giá trị *nhỏ hơn hoặc bằng 35%* tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo		**Mục a Khoản 7 Điều 35**	Chỉnh sửa nội dung Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo HĐQTvà	Theo khoản 2 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	**Nội dung**		**Điều/Khoản/Mục**	**Điều lệ sau chỉnh lại**	**Lý do, căn cứ**
	HĐQTvà được HĐQTthông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;			được HĐQTthông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;	
Mục b Khoản 7 Điều 31	Đối với giao dịch có giá trị *lớn hơn 35%* hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.	Đối với giao dịch có giá trị *từ 35% trở lên* hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên <u>có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.	**Mục b Khoản 7 Điều 35**		Theo khoản 3 và khoản 4 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020
Khoản 1 Điều 32	Trách nhiệm: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành		**Khoản 1 Điều 36**	Chỉnh sửa nội dung chức danh: Trách nhiệm: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ hành động	Theo Điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC

Điều lệ hiện hành		Điều lệ sau chỉnh lần 1 (HĐQT đã thông qua)	Điều lệ sau khi chỉnh lại		
Điều/Khoản/Mục	Nội dung		Điều/Khoản/Mục	Điều lệ sau chỉnh lại	Lý do, căn cứ
	nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán, và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.			một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán, và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.	
Khoản 3 Điều 35	Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và *cán bộ quản lý* có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của công ty vì những mục đích liên quan đến chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.		**Khoản 3 Điều 39**	Chỉnh sửa nội dung chức danh: Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của công ty vì những mục đích liên quan đến chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	Điều chỉnh cán bộ quản lý thành Người điều hành

Lưu ý: *Trong trường hợp các điều khoản bổ sung được thông qua, Điều lệ Công ty sửa đổi bổ sung sẽ được đánh số thứ tự điều khoản lại cho hợp lý mà không làm thay đổi nội dung đã được thông qua.*

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VMG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Dự thảo *Số 11/TTr-VMG/ĐHĐCĐ*	*Hà Nội, ngày ... tháng .... năm 2026*

TỜ TRÌNH
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VMG

Tờ trình này đính kèm bảng kế hoạch thay thế cho Tờ trình số 09/TTr-VMG/ĐHĐCĐ và kế hoạch đính kèm ngày 17 tháng 04 năm 2025 đã được thông qua trước đó tại ĐHCĐ thường niên 2025.

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần truyền thông VMG

Hội đồng quản trị ("HĐQT") Công ty Cổ phần Truyền thông VMG ("Công ty") báo cáo Đại hội về kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2030 dự kiến của Công ty dự kiến như sau:

I. KẾ HOẠCH KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2026-2030

Bước vào giai đoạn 2026-2030, VMG đặt mục tiêu xây dựng một kế hoạch định hướng năm năm cảnh thị trường viễn thông công nghệ - truyền thông ngày càng cạnh tranh. Giai đoạn này công ty sẽ tập trung vào việc tối ưu hóa các mảng kinh doanh cốt lõi, mở rộng hệ sinh thái dịch vụ số, đồng thời nâng cao năng lực tài chính và vận hành.

Trong giai đoạn này, Công ty định hướng:

- Tiếp tục củng cố các mảng kinh doanh cốt lõi;
- Từng bước mở rộng hệ sinh thái dịch vụ số;
- Đồng thời nâng cao hiệu quả vận hành và năng lực tài chính.

Việc xây dựng kế hoạch 2026-2030 không chỉ là định hướng cho sự phát triển trong 5 năm tới mà còn là nền tảng vững chắc để VMG chinh phục những mục tiêu dài hạn, khẳng định vị thế trên thị trường.

Dự kiến Kế hoạch SXKD giai đoạn 2026-2030:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	Doanh thu thuần	1.481.524	1.470.114	1.587.723	1.714.741	1.800.478
2	Giá vốn	1.430.636	1.429.446	1.543.802	1.667.306	1.750.672
3	Lợi nhuận gộp	50.887	40.667	43.921	47.434	49.806
4	Lợi nhuận tài chính	28.382	38.046	38.427	38.811	39.199
5	Chi phí hoạt động	40.704	38.669	39.442	40.231	41.036
6	Lợi nhuận khác	-	147	159	171	180

7	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	38.565	40.192	43.064	46.185	48.149
8	Tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến	5%	5%	5%	5%	5%

Bảng tổng hợp KH SXKD 2026-2030 chi tiết được đính kèm văn bản này.

II. CÁC MỤC TIÊU TỔNG QUAN KHI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM NĂM (2026-2030)

1. Mục tiêu tăng trưởng doanh thu ổn định

Doanh thu thuần dự kiến tăng qua các năm, dù có thể có sự biến động nhẹ giữa các giai đoạn. Mức tăng trưởng phản ánh kỳ vọng mở rộng thị phần ở mức hợp lý, đồng thời thận trọng với điều kiện thị trường.

2. Mục tiêu duy trì xu hướng tăng trưởng Lợi nhuận gộp

Lợi nhuận gộp cải thiện nhẹ qua các năm, tương ứng với mức tăng trưởng doanh thu và giá vốn. Giá trị tăng tuyệt đối của lợi nhuận gộp còn khiêm tốn so với doanh thu, Công ty xây dựng kế hoạch với sự thận trọng trong việc đánh giá sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường, đồng thời đảm bảo tính khả thi cao đối với kế hoạch.

3. Mục tiêu thu nhập tài chính ổn định

Lợi nhuận tài chính được kỳ vọng duy trì ổn định, đóng góp bổ trợ cho kết quả chung. Mức tăng trưởng ở mức vừa phải, phù hợp với định hướng đầu tư an toàn và kiểm soát rủi ro.

4. Mục tiêu chi phí hoạt động ổn định theo quy mô

Chi phí hoạt động dự kiến biến động hợp lý theo quy mô. Công ty định hướng:

- Kiểm soát chi phí ở mức hợp lý,
- Đồng thời đảm bảo nguồn lực phục vụ cho tăng trưởng.

5. Mục tiêu tỷ lệ chi trả cổ tức

- Tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến duy trì ở mức 5% trong giai đoạn 2026–2030. Việc chi trả thực tế phụ thuộc vào kết quả kinh doanh, dòng tiền và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông từng năm.

III. KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG 2026-2030

Để đạt được các mục tiêu doanh thu, lợi nhuận và cổ tức trong kế hoạch 5 năm nêu trên, VMG cần triển khai các hành động chiến lược theo các trụ cột chính sau:

1. Phát triển kinh doanh & mở rộng thị trường, đầu tư vào công nghệ mới

- Củng cố các mảng kinh doanh cốt lõi: Tăng cường hợp tác, mở rộng thị phần trong lĩnh vực VAS, Bản quyền số, SMS Brandname.

- Phát triển nền tảng dịch vụ số: Đầu tư vào các nền tảng nhạc số, sách, game nhằm đa dạng hóa nguồn doanh thu.

- Mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế: Liên doanh - liên kết với các đối tác công nghệ trong nước và nước ngoài để nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

2. Tối ưu hóa hoạt động & Kiểm soát chi phí

- Nâng cao hiệu suất vận hành: Ứng dụng công nghệ và tự động hóa để giảm chi phí vận hành, nâng cao biên lợi nhuận.

- Kiểm soát chi phí quản lý: Tinh gọn bộ máy, tối ưu nhân sự và hệ thống quản lý để giữ chi phí tăng chậm hơn doanh thu.

3. Đầu tư phát triển nguồn nhân lực, tạo nền móng phát triển vững chắc

- Tăng cường đào tạo, xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao, chuyên nghiệp, là nền móng cho sự phát triển vững chắc, lâu dài của công ty.

- Xây dựng văn hoá công ty, đưa công ty thành môi trường làm việc hấp dẫn với người lao động, thu hút nhân tài, khuyến khích sáng tạo.

4. Quản trị tài chính

- Đảm bảo dòng tiền ổn định: Tối ưu quản lý dòng tiền, duy trì khả năng thanh toán ở mức an toàn.

- Đa dạng hoá các sản phẩm đầu tư tài chính nhằm gia tăng lợi nhuận.

5. Quản trị rủi ro & Tuân thủ pháp lý

- Chủ động thích ứng với quy định mới: Chủ động nghiên cứu, đảm bảo tuân thủ các chính sách thuế, tài chính, các quy định của quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực công ty kinh doanh.

- Cập nhật các xu hướng công nghệ để điều chỉnh kế hoạch kinh doanh kịp thời.

Trên đây là Báo cáo của HĐQT về Kế hoạch SXKD giai đoạn 2026-2030 của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- Lưu VP.

Nguyễn Hoàng Nam

Công ty Cổ phần Truyền thông VMG

BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Kế hoạch kinh doanh

ĐVT: VND

STT	Chỉ tiêu	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	**Doanh thu thuần**	**1.481.523.655.466**	**1.470.113.655.466**	**1.587.722.747.903**	**1.714.740.567.736**	**1.800.477.596.123**
2	**Giá vốn**	**1.430.636.417.652**	**1.429.446.417.652**	**1.543.802.131.064**	**1.667.306.301.549**	**1.750.671.616.626**
3	**Lợi nhuận gộp**	**50.887.237.814**	**40.667.237.814**	**43.920.616.840**	**47.434.266.187**	**49.805.979.496**
4	**Lợi nhuận tài chính**	**28.382.091.742**	**38.046.377.844**	**38.426.841.622**	**38.811.110.038**	**39.199.221.139**
5	**Chi phí hoạt động**	40.704.198.921	38.668.988.975	39.442.368.755	40.231.216.130	41.035.840.452
6	**Lợi nhuận khác**	-	147.000.000	159.000.000	171.000.000	180.000.000
7	**Tổng lợi nhuận trước thuế**	**38.565.130.635**	**40.191.626.683**	**43.064.089.707**	**46.185.160.095**	**48.149.360.182**
8	**Chi phí thuế TNDN**	**7.713.026.127**	**8.038.325.337**	**8.612.817.941**	**9.237.032.019**	**9.629.872.036**
9	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**30.852.104.508**	**32.153.301.346**	**34.451.271.766**	**36.948.128.076**	**38.519.488.146**
10	**Tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến**	**5%**	**5%**	**5%**	**5%**	**5%**

2. Kế hoạch vốn lưu động

ĐVT: VND

TT	Chỉ tiêu	31/12/2026	31/12/2027	31/12/2028	31/12/2029	31/12/2030
1.	Các khoản phải thu ngắn hạn	288.833.675.183	265.666.151.295	277.773.471.228	290.195.581.480	304.411.253.343
2.	Hàng tồn kho	1.104.048.026	1.103.129.682	1.191.380.056	1.286.690.461	1.351.024.984
3.	Tài sản ngắn hạn khác	5.931.590.358	6.167.839.831	6.427.008.982	6.680.587.027	6.986.196.001
4.	Các khoản nợ phải trả ngắn hạn (không bao gồm vay ngắn hạn)	35.275.966.463	35.246.623.997	38.066.353.917	41.111.662.230	47.483.969.876
5.	**Vốn lưu động ngoài tiền mặt và tài sản phi hoạt động ngắn hạn**	**260.593.347.105**	**237.690.496.810**	**247.325.506.351**	**257.051.196.738**	**265.264.504.453**

3. Kế hoạch vay vốn và đầu tư mua sắm

ĐVT: VND

TT	Chỉ tiêu	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1.	Dòng tiền tăng do vay nợ mới	233.255.755.405	256.581.330.946	282.239.464.040	310.463.410.444	341.509.751.488
2.	Dòng tiền trả nợ gốc vay	233.255.755.405	256.581.330.946	282.239.464.040	310.463.410.444	341.509.751.488
3.	Dòng tiền chi đầu tư mua sắm TSCĐ và TS dài hạn	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VMG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**
Số: 12/TTr-VMG/ĐHĐCĐ	*Hà Nội, ngày 13 tháng 05 năm 2026*

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần truyền thông VMG

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn hiện hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn hiện hành;*
- *Căn cứ dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG (phiên bản sửa đổi, bổ sung năm 2026) trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026.*

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Truyền thông kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị với các nội dung cụ thể như sau:

I. Sự cần thiết trong việc sửa đổi Quy chế hoạt động của HĐQT

- Tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026, HĐQT đã trình Đại hội xem xét thông qua bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty nhằm đáp ứng các yêu cầu mới về quản trị doanh nghiệp.
- Để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống văn bản quản trị nội bộ và tránh các xung đột pháp lý trong quá trình vận hành, Quy chế hoạt động của HĐQT cần phải được rà soát, sửa đổi và cập nhật để bám sát các quy định mới tại dự thảo Điều lệ năm 2026.

II. Nội dung sửa đổi và đề xuất:

1. Nội dung sửa đổi, bổ sung: Phụ lục và dự thảo Quy chế chi tiết đính kèm tờ trình này.
2. Thời điểm hiệu lực: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026 sẽ chính thức có hiệu lực thi hành ngay sau khi Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2026 biểu quyết thông qua bản dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Quy chế này sẽ thay thế hoàn toàn Quy chế hoạt động HĐQT ban hành theo Quyết định số 247/2023/QĐ-HĐQT ngày 29/06/2023.
3. Giao và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT hoàn thiện hình thức văn bản, ký quyết định ban hành chính thức và tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Kính trình Đại hội Cổ đông xem xét và thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VP.

Nguyễn Hoàng Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VMG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

DỰ THẢO

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VMG

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../2026/QĐ-HĐQT ngày ... tháng 05 năm 2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Truyền thông VMG)

Căn cứ:

- *Căn cứ Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 (Luật Chứng khoán).*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp).*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.*
- *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG.*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số .../2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/5/2026.*

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Truyền thông VMG bao gồm các nội dung sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
   a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
   b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
   c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
   d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
   e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Người điều hành khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người điều hành được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
   a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
   b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
   c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
   d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và Người điều hành khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
   e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
   a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
   b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
   c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
   d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
   e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
   f) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
   a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
   b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
   c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Khoản 5 Điều 22 Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
   a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
   a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
   b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
   c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
   a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
   b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp,

Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
   a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
   b) Trình độ chuyên môn;
   c) Quá trình công tác;
   d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
   e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
   f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
   g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác

và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
   a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
   b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
   c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
   d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
   e) đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
   f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
   g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
   h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
   i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những Người điều hành đó; cử người đại diện

theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế về công bố thông tin của Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài

chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
   a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
   b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
   c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
   d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
   e) đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
   f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
   g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
   h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14: Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 (ba) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT /thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
   a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
   b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;
   c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
   d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

   Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

   Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
   a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

   b) Thời gian, địa điểm họp;

   c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

   d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; Họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

   e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

2. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

3. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

4. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

5. Họ tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều này

6. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, f, g,h và i được nêu tại khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
7. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
8. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
9. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
   a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
   b) Báo cáo tài chính;
   c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
   d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
   a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Truyền thông VMG bao gồm 07 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 05 năm 2026.

Điều 24. Điều khoản chuyển tiếp

Quy chế này thay thế Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty CP Truyền thông VMG ban hành kèm theo ban hành theo Quyết định số 247/2023/QĐ-HĐQT ngày 29/06/2023 của CTCP Truyền thông VMG.

Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty CP Truyền thông VMG ban hành theo Quyết định số ...../2026/QĐ-HĐQT ngày 13/5/2026 của HĐQT CTCP Truyền thông VMG hết hiệu lực kể từ thời điểm Quy chế này được ban hành.

Những nội dung không quy định trong Quy chế này thì áp dụng theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoàng Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VMG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số 13/TTr-VMG/ĐHĐCĐ	*Hà Nội, ngày 13 tháng 05 năm 2026*

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu năm 2025 của Công ty cổ phần truyền thông VMG

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần truyền thông VMG

Căn cứ:

- *Luật doanh nghiệp năm 2020 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua 26/11/2019;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;*
- *Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;*
- *Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;*
- *Điều lệ Công Ty Cổ Phần truyền thông VMG*

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công Ty Cổ Phần truyền thông VMG kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Thường Niên năm 2026 phê duyệt Phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức cho cổ đông như sau:

I. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

1	**Tên tổ chức chào bán:**	Công Ty Cổ Phần truyền thông VMG
2	**Tên cổ phiếu chào bán:**	Công Ty Cổ Phần truyền thông VMG
3	**Mã cổ phiếu**	ABC
4	**Loại cổ phiếu**	Cổ phiếu phổ thông
5	**Mệnh giá**	10.000 đồng/cổ phiếu
6	**Vốn điều lệ hiện tại:**	203.930.000.000 đồng
7	**Cổ phiếu quỹ:**	4000 cổ phiếu
8	**Tổng số cổ phiếu đang lưu hành**	203.890.000.000 cổ phiếu
9	**Tổng số lượng cổ dự kiến phát hành**	6.116.700 cổ phiếu
10	**Tổng số vốn điều lệ tăng**	61.167.000.000 đồng

	thêm dự kiến	
12	**Phương thức phát hành**	Phát hành cổ phiếu theo phương thức thực hiện quyền.
13	**Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành**	265.097.000.000 đồng
14	**Đối tượng chi trả cổ tức (bằng cổ phiếu)**	Cổ đông hiện hữu có tên trong Danh sách người sở hữu chứng khoán tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện chào bán do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp.
15	**Tỷ lệ thực hiện quyền:**	**30%** Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận 3 cổ phiếu phát hành thêm.
16	**Nguồn vốn thực hiện**	Từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, gồm các nguồn: Quỹ đầu tư phát triển, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, Quỹ khác (nếu có) được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Nguồn thực hiện cụ thể sẽ được Hội đồng quản trị quyết định.
17	**Thời gian dự kiến thực hiện**	Trong năm 2026, Hội đồng quản trị quyết định thời điểm phù hợp sau khi có chấp thuận Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước
18	**Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có)**	Số lượng cổ phiếu phát hành để trả cổ tức sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số lượng phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) do làm tròn xuống sẽ được hủy bỏ.

II. THÔNG QUA TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY:

- Tăng vốn điều lệ của Công ty tương ứng với tổng mệnh giá số lượng cổ phiếu thực tế được phát hành thêm;
- Sửa đổi Điều lệ Công ty; Thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo vốn điều lệ mới tăng thêm sau đợt phát hành.

III. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG GIAO VÀ ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Quyết định thời gian cụ thể phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc nhận được đầy đủ tài liệu phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật;
- Thực hiện các thủ tục, công việc cần thiết theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán để triển khai phương án phát hành nêu trên, bao gồm xây dựng, hoàn thiện và giải trình hồ sơ đăng ký, báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền;

- Quyết định các vấn đề khác liên quan đến việc phát hành theo phương án nêu trên;
- Quyết định và thực hiện tất cả các công việc, thủ tục cần thiết liên quan đến việc: (i) thay đổi vốn điều lệ, sửa đổi/bổ sung điều khoản quy định về vốn điều lệ tại Điều lệ Công ty; (ii) đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty; (iii) đăng ký, lưu ký bổ sung và đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán của Công ty tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; và (iv) đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tương ứng với số lượng cổ phiếu được phát hành thêm theo Phương án nêu trên phù hợp quy định pháp luật.
- Thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết theo quy định của pháp luật và xử lý các vấn đề phát sinh có liên quan để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ;*
- *Lưu VP*

Nguyễn Hoàng Nam